TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2023/HN-ST
Ngày: 27-07-2023
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Lom;

2. Ông Nguyễn Duy Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 27 tháng 07 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 06 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, Sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, Sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hữu L vắng mặt (không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến ngày 07/03/2023, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu L tự nguyện kết hôn vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Định, huyện Chợ Lách. Sau khi kết hôn thời gian đầu sống cũng hạnh phúc, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống vơ chồng không hòa hợp. Hiện bà và ông L đã sống

ly thân được 06 năm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/08/2017 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 20/12/2019 hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; còn bị đơn ông Nguyễn Hữu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Hữu L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Hữu L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện Chợ Lách vào ngày 21/11/2016 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà L, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, cuộc sống vơ chồng không hòa hợp nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Hiện bà và ông L đã sống ly thân được 06 năm. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Lê Thị L và ông Nguyễn Hữu L thực tế là có xảy ra và giữa hai đã có có thời gian sống ly thân 06 năm. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn

lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho ông L đến tham hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông L không đến và tại phiên tòa ông L tiếp tục vắng mặt; còn bà L thì yêu cầu không tiến hành hòa giải và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông L. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông L là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Hữu L là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận bà L không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà Lê Thị L và ông Nguyễn Hữu L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/08/2017 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 20/12/2019, hiện đang sống chung với bà L. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung của bà L là chính đáng, hiện hai con chung còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ vì vậy việc giao hai con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được xem xét chấp nhận. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị L đối với ông Nguyễn Hữu L. Cụ thể tuyên:

Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hữu L. Ghi nhận bà Lê Thị L không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị L được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Mỹ D, sinh ngày 28/08/2017 và Nguyễn Phúc K, sinh ngày 20/12/2019. Ghi nhận bà Lê Thị L không yêu cầu ông Nguyễn Hữu L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Hữu L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bà L có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của ông L.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của bà L, ông L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/- Về tài sản chung: Bà Lê Thị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/- Về nợ chung: Bà Lê Thị L khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí:

Bà Lê Thị L phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001595 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u>:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Chợ Lách;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu